

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.
2. Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Số X, ấp BĐ, xã BL, huyện T1, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã BL, huyện T1, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/7/2022, đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 09/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc D quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐR, tỉnh ĐL. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, có 03 con nhưng đến đầu năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi, ông D thường xuyên đánh bà trước mặt các con. Vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, bà không thể chung sống với ông D được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc D có 03 con chung tên Nguyễn Thị

Thu H1 sinh ngày 26/4/2004, Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015 yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thu H1 sinh ngày 26/4/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung gồm tiền gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tại Ngân hàng thương mại Cổ phần AC; Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên là căn nhà trên đất, có giá trị 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Bà H yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), nhưng đến ngày 09/9/2022 bà H có đơn xin rút lại yêu cầu về chia tài sản chung và xác định việc bà rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Ông không đồng ý ly hôn và tha thiết mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau vì các con còn nhỏ, nếu vợ chồng chia tay sẽ không ai chăm sóc các con. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con tên Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì ông không đồng ý chia tài sản vì ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà H đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung thì ông cũng đồng ý với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Vụ án đã được Tòa án công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Ngọc D vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D và có tranh chấp về quyền nuôi con, bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu

cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D, thấy rằng: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2003, đăng ký ngày 25/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Cơ, huyện ĐắkRlấp, tỉnh ĐắkLắk cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà H yêu cầu ly hôn với ông D vì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông D có hành vi đánh bà H. Ông D không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng đoàn tụ với bà H, nhưng tại phiên hòa giải ngày 31/8/2022, ông D không có thiện chí hàn gắn mà còn có hành vi đánh bà H, dùng hung khí (dao) để làm bà H bị thương tích. Vì vậy, có cơ sở xác định lời trình bày của bà H về mâu thuẫn vợ chồng là đúng thực tế, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị H có cơ sở chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc D có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1 sinh ngày 26/4/2004, Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét con chung tên Nguyễn Thị Thu H1 sinh ngày 26/4/2004 hiện đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 và Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của con chung theo quy định của pháp luật, cháu D1 và cháu T2 đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Kỳ D1 là con gái, hiện đã 11 tuổi nên cũng dễ dàng thích nghi với việc thay đổi môi trường sống và giao cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc con gái sẽ gần gũi, thuận tiện và phù hợp hơn cho sự phát triển về tâm sinh lý của con gái. Đối với cháu Nguyễn Minh T2 hiện còn nhỏ nên để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về sức khỏe, tâm sinh lý, cũng như việc học tập của cháu T2 thì không nên làm thay đổi môi trường sống sẽ gây ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của cháu T2. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015, bà H và ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung: Nguyên đơn bà Trần Thị H đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung theo đơn khởi

kiện bổ sung đề ngày 07/7/2022 và xác định việc bà rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc D cũng không có ý kiến gì đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn của bà Trần Thị H.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Ngọc D đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí còn dư là 37.700.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007448 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với ông Nguyễn Ngọc D.

Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về “Tranh chấp tài sản chung khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Ngọc D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Kỳ D1 sinh ngày 01/7/2011. Ông Trần Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T2 sinh ngày 10/4/2015. Bà H, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong

gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 38.000.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007448 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí còn dư là 37.700.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Nơi ĐK kết hôn (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung